

PHỤ LỤC V

(Ban hành kèm theo Nghị định 81/2015/NĐ-CP ngày 18/9/2015 của Chính phủ)



NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM

MST: 0100686174

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2017

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH HÀNG NĂM VÀ 03 NĂM GẦN NHẤT

Năm báo cáo 2017

1. Tình hình kinh doanh và đầu tư 03 năm trước (từ năm 2014 đến năm 2016):

1.1 Thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu 03 năm trước:

a) Nguồn vốn huy động:

- Vốn huy động tăng trưởng ổn định, hoàn thành mục tiêu kế hoạch hàng năm gắn với đảm bảo hiệu quả kinh doanh và an toàn thanh khoản. Tăng trưởng vốn huy động của Agribank năm 2014 đạt 10,3%, năm 2015 đạt 15,7% và năm 2016 đạt 14,9%. Đến 31/12/2016 tổng nguồn vốn huy động tại Agribank đạt 931.170 tỷ đồng, tăng 33% so với năm 2014, trong đó tiền gửi khách hàng¹ là 866.084 tỷ đồng, tăng 32,1% so với năm 2014, chiếm 93% vốn huy động của Agribank.

- Cơ cấu vốn tiếp tục chuyển dịch theo hướng tích cực, tăng dần tỷ trọng vốn ổn định, vốn trung dài hạn. Vốn huy động từ dân cư tiếp tục tăng và chiếm tỷ trọng cao, nguồn vốn trên thị trường liên ngân hàng, tiền gửi của các TCTD được quản lý chặt chẽ; trong giai đoạn 2014-2016, Agribank dẫn dắt thị trường giảm lãi suất đầu vào và duy trì ở mức thấp để tạo điều kiện giảm lãi suất cho vay, hỗ trợ doanh nghiệp và nâng cao hiệu quả kinh doanh, tăng khả năng tài chính của Agribank.

b) Hoạt động tín dụng:

- Tăng trưởng tín dụng đạt mục tiêu hàng năm, gắn với củng cố, nâng cao chất lượng tín dụng, cơ cấu tín dụng tiếp tục chuyển dịch đúng định hướng, ưu tiên đầu tư cho nông nghiệp nông thôn và các lĩnh vực ưu tiên của Chính phủ.

- Tăng trưởng tín dụng của Agribank năm 2014 đạt 9,4%, năm 2015 đạt 16% và năm 2016 đạt 17,5%. Đến 31/12/2016, tổng dư nợ cho vay (bao gồm cả trái phiếu VAMC) đạt 791.450 tỷ đồng, tăng 36,5% so với năm 2014. Trong đó dư nợ cho vay bằng VND đạt 724.085 tỷ đồng, chiếm 97,2% tổng dư nợ, dư nợ

Luang

¹ Báo cáo tài chính riêng 2016 đã kiểm toán



cho vay ngoại tệ có xu hướng giảm dần và chiếm tỷ trọng thấp, phù hợp với định hướng của Chính phủ và NHNN.

- Chất lượng tín dụng ngày càng được cải thiện và kiểm soát có hiệu quả, tỷ lệ nợ xấu (theo Thông tư 02) giảm dần, năm 2015 là 2,01%, năm 2016 là 1,89%, giảm 0,12% so với năm 2015 và giảm 2,66% so với năm 2014, hoàn thành kế hoạch được NHNN giao.

- Agribank tiếp tục triển khai có hiệu quả các chương trình, chính sách tín dụng theo chỉ đạo của Chính phủ và NHNN như: cho vay phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định 41 và 55/2015/NĐ-CP; cho vay theo chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp theo Quyết định số 63/QĐ-TTg, Quyết định số 65/QĐ-TTg, Quyết định số 68/QĐ-TTg ngày 14/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ; cho vay ưu đãi lãi suất đối với các huyện nghèo theo Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP của Chính phủ và Thông tư 06/2009/TT-NHNN của NHNN; cho vay gia súc, gia cầm (chăn nuôi, chế biến thịt lợn, gia cầm), cá tra, và tôm; cho vay chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới... Đến 31/12/2016, dư nợ cho vay nông nghiệp, nông thôn đạt 514.154 tỷ đồng, tỷ trọng dư nợ cho vay nông nghiệp nông thôn luôn chiếm trên 70% dư nợ cho vay của Agribank và trên 50% tổng dư nợ cho vay lĩnh vực này của toàn ngành ngân hàng đã và đang đóng góp tích cực trong quá trình triển khai Đề án Tái cơ cấu nền nông nghiệp Việt Nam và thực hiện chính sách phát triển Tam nông của Đảng, Chính phủ.

c) Hoạt động kinh doanh dịch vụ tiếp tục được đẩy mạnh, đạt kết quả năm sau cao hơn so với năm trước cả về số lượng khách hàng và thu nhập từ hoạt động dịch vụ. Đến 31/12/2016, có trên 12 triệu khách hàng sử dụng 200 sản phẩm dịch vụ của Agribank, thu nhập từ hoạt động dịch vụ² năm 2016 đạt 3.474 tỷ đồng, tăng 916 tỷ đồng (35,8%) so với năm 2014.

d) Kết quả tài chính và nộp ngân sách nhà nước³:

- Doanh thu năm 2014 đạt 63.563 tỷ đồng, năm 2015 đạt 65.059 tỷ đồng, năm 2016 doanh thu đạt 77.235 tỷ đồng, tăng 18,7% so với năm 2015 và tăng 21,5% so với năm 2014.

- Lợi nhuận trước thuế năm 2014 đạt 3.222 tỷ đồng; năm 2015 đạt 3.706 tỷ đồng; năm 2016 đạt 4.212 tỷ đồng, tăng 30,7% so với năm 2014.

- Nộp ngân sách nhà nước năm 2014: 693 tỷ đồng, năm 2015: 808 tỷ đồng, năm 2016: 824 tỷ đồng.

- Bên cạnh nhiệm vụ kinh doanh, Agribank đã thực hiện tốt công tác an sinh xã hội, thể hiện vai trò và trách nhiệm của doanh nghiệp với cộng đồng. Từ năm 2014 đến năm 2016, Agribank đã chi gần 1.000 tỷ đồng cho chương trình xóa đói giảm nghèo, đền ơn đáp nghĩa, tài trợ giáo dục y tế, hỗ trợ các tỉnh bị

Luang

^{2 3}: Báo cáo tài chính riêng 2016 đã kiểm toán

thiên tai.... góp phần nâng cấp, xây mới cơ sở hạ tầng, cải thiện đời sống của người dân nông thôn, tạo ảnh hưởng tích cực của Agribank tới cộng đồng.

1.2 Tiến độ thực hiện các dự án trọng điểm:

- Dự án đầu tư về Công nghệ thông tin và Thẻ: 7 dự án nhóm B với tổng mức đầu tư 979 tỷ đồng, đến 31/12/2016 đã giải ngân 592 tỷ đồng, giá trị tài sản đã hình thành và đưa vào sử dụng 577 tỷ đồng.

- Dự án đầu tư về xây dựng cơ bản: 26 dự án nhóm B với tổng mức đầu tư 2.714 tỷ đồng, đến 31/12/2016 đã giải ngân 1.626 tỷ đồng, giá trị tài sản đã hình thành và đưa vào sử dụng 828 tỷ đồng.

1.3 Những thay đổi chủ yếu trong 03 năm:

Agribank đã triển khai thành công đề án tái cơ cấu giai đoạn 1, hoàn thành các mục tiêu của đề án, hoạt động kinh doanh từng bước được ổn định và tăng trưởng đáng kể. Những kết quả đạt được trong giai đoạn tái cơ cấu đã được nhiều đoàn kiểm tra, giám sát của Đảng, Chính phủ, Kiểm toán nhà nước và kiểm toán quốc tế có uy tín kiểm tra, giám sát và ghi nhận. Agribank tiếp tục giữ vững vị trí là ngân hàng thương mại, bán lẻ hàng đầu Việt Nam trên nhiều lĩnh vực. Đến năm 2016, Agribank tiếp tục là NHTM duy nhất trong Top 10 của Bảng xếp hạng 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (VNR 500); liên tục giữ vững danh hiệu Top 10 doanh nghiệp, thương hiệu mạnh, danh tiếng nhất Đông Nam Á; Tạp chí Banker xếp hạng 446 trong 1.000 ngân hàng lớn nhất thế giới.

1.4 Thuận lợi và khó khăn chủ yếu:

- Agribank luôn nhận được sự quan tâm của Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước, các bộ ngành và chính quyền địa phương. Các chủ trương, chính sách mới của Ban lãnh đạo Agribank nhận được sự ủng hộ, chia sẻ, tin tưởng thống nhất cao trong toàn hệ thống.

- Bên cạnh những thuận lợi, hoạt động kinh doanh của Agribank còn bị ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố, đặc biệt là các yếu tố sau:

+ Tình hình hạn hán, thiên tai, biến đổi khí hậu, xâm nhập mặn... diễn biến ngày càng phức tạp đã ảnh hưởng lớn đến kinh tế xã hội, nhất là sản xuất và đời sống trong khu vực nông nghiệp, nông thôn nơi tập trung vốn cho vay của Agribank.

+ Là ngân hàng chủ lực trong đầu tư tín dụng cho lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn và nông dân, với 70% dư nợ của Agribank trong lĩnh vực này, đã cơ bản đáp ứng đủ vốn với lãi suất ưu đãi, phục vụ kịp thời nhu cầu sản xuất kinh doanh của các đối tượng chính sách và các lĩnh vực ưu tiên. Tuy nhiên, do lĩnh vực đầu tư lĩnh vực nông nghiệp nông thôn có mức rủi ro cao, lãi suất cho vay thấp theo quy định đối với lĩnh vực ưu tiên trong khi chi phí hoạt động lớn vì đặc thù khách hàng nhỏ lẻ trên địa bàn nông thôn, Agribank phải cạnh tranh huy động vốn bình đẳng trên thị trường để đáp ứng nhu cầu cho vay... dẫn đến lợi nhuận hàng năm giảm, ảnh hưởng đến kết quả tài chính của Agribank.

Luang

74 - C
HÀNG
NGHIỆ
AT TRI
IG THÔI
ỆT NAM
NH - TP

1.5 Kế hoạch kinh doanh năm 2017:

- Nguồn vốn huy động thị trường I: Tăng từ 14-16%.
- Dự nợ cho vay nền kinh tế: Tăng từ 14-18%;
- Tỷ lệ nợ xấu (theo Thông tư 02): dưới 3%.
- Lợi nhuận trước thuế: 4.500 tỷ đồng.
- Đảm bảo các tỷ lệ an toàn hoạt động.

Biểu số 1
Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh chủ yếu

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	2014	2015	2016	2017
1	Nguồn vốn huy động	Tỷ đồng	700.124	810.101	931.170	1.074.798
2	Dư nợ cho vay	Tỷ đồng	579.791	673.435	791.450	918.060
3	Tỷ lệ cho vay NNNT	%	74%	71%	69%	73,60%
4	Tỷ lệ nợ xấu	%	4,55%	2,01%	1,89%	1,54%
5	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	63.563	65.059	77.235	91.691
6	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	3.222	3.706	4.212	5.066
7	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	692,6	807,7	823,9	1.005,8
8	Chi phí an sinh xã hội	Tỷ đồng	269	350	346	298
9	Tổng lao động (chưa gồm NQLDN)	Người	36.479	36.322	36.183	36.682
10	Tổng quỹ lương	Tỷ đồng	6.771,6	7.724,8	8.662,2	9.713,2
-	Quỹ lương quản lý	Tỷ đồng	9,2	12,1	15,8	18,1
-	Quỹ lương lao động	Tỷ đồng	6.762,4	7.712,7	8.646,4	9.695,1

2. Tình hình đầu tư tại các công ty con: Chi tiết tại biểu số 2

Luang

BIỂU SỐ 2

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TẠI CÁC CÔNG TY CON DO CÔNG TY MẸ NĂM CÓ PHẦN CHI PHỐI

TT	Tên doanh nghiệp	Thực hiện năm 2014			Thực hiện năm 2015			Thực hiện năm 2016			Thực hiện năm báo cáo 2017		
		Vốn điều lệ (Tỷ đồng)	Tỷ lệ góp vốn của công ty mẹ (%)	Tổng vốn đầu tư (Tỷ đồng)	Vốn điều lệ (Tỷ đồng)	Tỷ lệ góp vốn của công ty mẹ (%)	Tổng vốn đầu tư (Tỷ đồng)	Vốn điều lệ (Tỷ đồng)	Tỷ lệ góp vốn của công ty mẹ (%)	Tổng vốn đầu tư (Tỷ đồng)	Vốn điều lệ (Tỷ đồng)	Tỷ lệ góp vốn của công ty mẹ (%)	Tổng vốn đầu tư (Tỷ đồng)
1	Các công ty con do công ty mẹ nắm giữ 100% vốn điều lệ (cấp 2)												
1.1	Công ty TNHH MTV Dịch vụ Agribank	650	100	650	650	100	650	510	100	510	100	510	510
1.2	Công ty TNHH MTV Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản Agribank (AMC)	30	100	30	30	100	30	30	100	30	100	30	30
1.3	Công ty Cho thuê Tài chính I (ALCI)	200	100	200	200	100	200	200	100	200	100	200	200
1.4	Công ty TNHH MTV Vàng bạc đá quý TPHCM	112,7	100	112,7	112,7	100	112,7	112,7	100	112,7	100	112,7	Hoàn tất việc sáp nhập vào Agribank



1.5	Công ty TNHH MTV Thương mại và Đầu tư Phát triển Hải phòng	7,3	100	0	7,3	100	0	7,3	100	0	Hoàn tất việc sáp nhập vào Agribank			
2	Các công ty con do công ty mẹ nắm giữ cổ phần chi phối (cấp 2)													
2.1	Công ty Cổ phần Chứng khoán Agribank (Agriseco)	2,120	74,92	1,251	2,120	74,92	1,251	2,120	74,92	1,251	2,120	74,92	1,251	
2.3	Công ty Cổ phần Bảo Hiểm Agribank (ABIC)	380	51,32	195,8	380	51,32	195,8	380	51,32	195,8	380	51,32	195,8	
2.4	Tổng Công ty Vàng Agribank - CTCP (AJC)	206	61,24	110,1	206	61,24	110,1	206	61,24	110,1	Hoàn tất việc bán 100% cổ phần tại AJC			